

Số: 0048/KSBT-XN-CĐHA-TDCN

Mã số mẫu : 0048.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà máy nước An Hoà
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có
đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,97	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,69	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA


ThS. Phạm Ngọc Sơn



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0049/KSBT-XN-CDHA-TDCN

Mã số mẫu : 0049.26 Ngày : 21/10/2026	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM	
--	----------------------------------	--

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Bùi Thị Kim Ánh (Ấp Châu Thành, xã Giao Long)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,95	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,60	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP

P. TRƯỞNG KHOA


Ins. Phạm Ngọc Sơn

GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0050/KSBT-XN-CDHA-TDCN

Mã số mẫu : 0050.26 Ngày : 21/10/2026	PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM	
---	----------------------------------	--

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Trần Thanh Tuấn (Ấp Giao Hoà, xã Giao Long)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,74	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,49	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. *Phạm Ngọc Sơn*

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Số: 0051/KSBT-XN-CDHA-TDCN

Mã số mẫu : 0051.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà máy nước An Phước
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có
đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	<3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	<1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	< 0,90	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,75	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,66	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Ngọc Sơn



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Số: 0052/KSBT-XN-CDHA-TDCN

Mã số mẫu : 0052.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Trần Thị Yên (Khu phố Hữu Định, phường Phú Tân)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	< 0,90	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,77	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,58	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA

ThS. Phạm Ngọc Sơn



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0053/KSBT-XN-CDHA-TDCN

Mã số mẫu : 0053.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Nguyễn Thị Gương (Ấp Phước Hậu, xã Giao Long)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có
đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	7,81	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	< 0,90	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,91	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,56	/

Nhận xét:

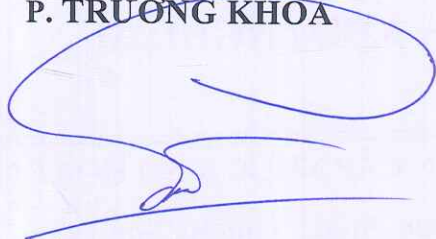
Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Ngọc Sơn



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Số: 0054/KSBT-XN-CĐHA-TDCN

Mã số mẫu : 0054.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà máy nước Tam Phước
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có
đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,93	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,64	/

Nhận xét:

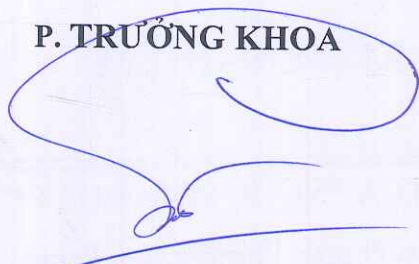
Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA


ThS. Phạm Ngọc Sơn



**100 GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC**

Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Số: 0055/KSBT-XN-CDHA-TDCN

Mã số mẫu : 0055.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Nguyễn Thành Bạc (Ấp Phú Nhơn, xã Phú Túc)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có
đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,94	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,65	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. *Phạm Ngọc Sơn*



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0056/KSBT-XN-CĐHA-TDCN

Mã số mẫu : **0056.26**

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Lê Văn Sớm (Ấp Quới Hoà, xã Giao Long)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	KPH MLOD=2,50TCU	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,78	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,62	/

Nhận xét:

Mẫu **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ** có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

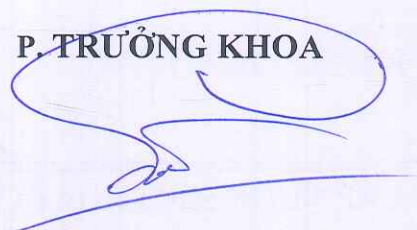
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Ngọc Sơn

GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

Phara Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0057/KSBT-XN-CDHA-TDCN

Mã số mẫu : 0057.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Nhà máy nước An Hiệp
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,81	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,68	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

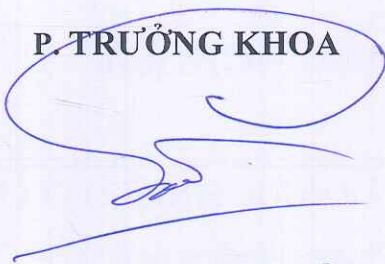
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Ngọc Sơn

**GIÁM ĐỐC
PHÒNG GIÁM ĐỐC**



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.

Số: 0058/KSBT-XN-CĐHA-TDCN

Mã số mẫu : 0058.26

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Lê Thị Hoài Phương (Ấp Hoà Thanh, xã Phú Túc)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có
đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,85	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,66	/

Nhận xét:

Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCDP 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. Phạm Ngọc Sơn



Phara Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0059/KSBT-XN-CĐHA-TDCN

Mã số mẫu : **0059.26**

Ngày : 21/10/2026

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SINH HOẠT CHÂU THÀNH
Địa chỉ (*) : Số 539B, Khu phố Tam Phước, Phường Sơn Đông, Tỉnh Vĩnh Long
Tên mẫu (*) : **NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Hộ Nguyễn Văn Nhận (Ấp Hoà Thanh, xã Phú Túc)
Ngày lấy mẫu (*) : 15/10/2026
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 chai x 500ml
Ngày nhận mẫu : 15/10/2026
Thời gian kiểm nghiệm : 15/10/2026 – 21/10/2026
Tình trạng mẫu : Mẫu nước đã qua xử lý, trong, không màu, đựng trong chai nhựa có đậy nắp kín.

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị		Phương pháp thử	Tiêu chuẩn	Kết quả	ĐKĐBĐ(**)
1	Coliform	CFU/100ml	TCVN 6187-1:2019 (b)	< 3	KPH LOD=1CFU/100ml	/
2	<i>Escherichia coli</i>	CFU/100ml	TCVN 6187-1: 2019 (b)	< 1	KPH LOD=1CFU/100ml	/
3	Màu sắc	TCU	SMEWW 2120C – 2023 (b)	15	< 7,50	/
4	Mùi, vị		Cảm quan (b)	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	/
5	Độ đục	NTU	SMEWW 2130B – 2023 (b)	2	KPH MLOD=0,30 NTU	/
6	pH		TCVN 6492 – 2011 (b)	6,0 – 8,5	6,87	/
7	Chlor dư tự do	mg/l	Hanna HI97711 (b)	0,2-1,0	0,56	/

Nhận xét:

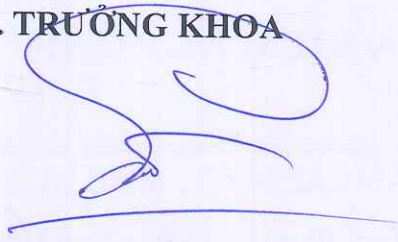
Mẫu NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ có các chỉ tiêu được kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn theo QCVN 01:2022/BTr (Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Bến Tre) do Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành.

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Ghi chú:

- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (b) Phép thử đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo Nghị định số 22/2026/NĐ-CP.

P. TRƯỞNG KHOA



ThS. *Phạm Ngọc Sơn*

**GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Hồng Thái

- Các kết quả kiểm nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ $k=2$.